

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN CHUYỂN SÀI GÒN TOURIST

Báo cáo tài chính văn phòng đã được kiểm toán
cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2020

MỤC LỤC

	Trang
1. Báo cáo của Tổng Giám đốc	2 - 6
2. Báo cáo kiểm toán độc lập	7 - 9
3. Báo cáo tài chính văn phòng đã được kiểm toán	
- Bảng cân đối kế toán	10 - 13
- Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh	14
- Báo cáo lưu chuyển tiền tệ	14 - 16
- Bản thuyết minh Báo cáo tài chính văn phòng	17 - 43

BÁO CÁO CỦA TỔNG GIÁM ĐỐC

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2020

Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Vận chuyển Sài Gòn Tourist (dưới đây gọi tắt là "Công ty") trình bày báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính văn phòng cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Văn phòng Công ty đã được kiểm toán bởi các kiểm toán viên độc lập.

1. Thông tin chung

Công ty Cổ phần Vận chuyển Sài Gòn Tourist được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0303609986 ngày 31 tháng 12 năm 2004, đăng ký thay đổi gần nhất (lần thứ 16) ngày 07 tháng 07 năm 2020 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp.

Mã số thuế: 0303609986

Mã chứng khoán: STT

Vốn điều lệ của Công ty là 80.000.000.000 đồng (tám mươi tỷ đồng).

Hoạt động của Công ty là:

- Vận tải hành khách đường bộ trong nội thành, ngoại thành (trừ vận tải bằng xe buýt). Chi tiết: Kinh doanh vận tải khách bằng taxi;
- Vận tải hành khách đường bộ khác. Chi tiết: Kinh doanh vận tải khách theo hợp đồng;
- Điều hành tua du lịch. Chi tiết: Kinh doanh du lịch lữ hành nội địa và quốc tế;
- Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải. Chi tiết: Đại lý bán vé máy bay, tàu cánh ngầm. Dịch vụ giao hàng nhận hàng hóa trong nước và xuất nhập khẩu. Dịch vụ vận tải hàng hóa. Môi trường thương mại. Môi giới hàng hải. Đại lý tàu biển. Đại lý bán vé tàu hỏa. Dịch vụ giữ xe;
- Giáo dục nghề nghiệp. Chi tiết: Đào tạo lái xe (môtô và ô tô các loại), đào tạo nghề;
- Bán buôn ô tô và xe có động cơ khác. Chi tiết: Mua bán xe ô tô. Mua bán xe tải, xe chuyên dụng, xe bơm bê tông, xe trộn bê tông, xe bồn;
- Bán phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của ô tô và xe có động cơ khác. Chi tiết: Mua bán phụ tùng;
- Bảo dưỡng, sửa chữa ô tô và xe có động cơ khác. Chi tiết: Sửa chữa, bảo dưỡng xe ô tô các loại;
- Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê. Chi tiết: Kinh doanh nhà. Dịch vụ cho thuê văn phòng, nhà. Kinh doanh bất động sản;
- Bán buôn nhiên liệu rắn, lỏng, khí và các sản phẩm liên quan. Chi tiết: Đại lý kinh doanh xăng dầu;
- Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động. Chi tiết: Kinh doanh nhà hàng (không kinh doanh tại trụ sở);
- Dịch vụ lưu trú ngắn ngày. Chi tiết: Kinh doanh khách sạn (không kinh doanh tại trụ sở);
- Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu. Chi tiết: Mua bán hàng thủ công mỹ nghệ, hóa chất (trừ hóa chất có tính độc hại mạnh), phụ gia, thực phẩm (không kinh doanh dịch vụ ăn uống);
- Bán buôn nông, lâm sản nguyên liệu (trừ gỗ, tre, nứa) và động vật sống. Chi tiết: Mua bán nông lâm hải sản;
- Bán buôn vải, hàng may sẵn, giày dép. Chi tiết: Mua bán hàng may mặc;
- Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng. Chi tiết: Mua bán vật liệu xây dựng;

BÁO CÁO CỦA TỔNG GIÁM ĐỐC (Tiếp theo)

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2020

- Buôn bán máy tính, thiết bị ngoại vi và phần mềm. Chi tiết: Mua bán máy vi tính;
- Xây dựng công trình đường sắt và đường bộ. Chi tiết: Xây dựng công trình cầu đường giao thông;
- Xây dựng công trình công ích. Chi tiết: Xây dựng công trình thủy lợi;
- Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác. Chi tiết: Xây dựng công trình dân dụng, công nghiệp;
- Chuẩn bị mặt bằng. Chi tiết: San lấp mặt bằng;
- Hoạt động thiết kế chuyên dụng. Chi tiết: Trang trí nội ngoại thất. Thiết kế tạo mẫu;
- Quảng cáo. Chi tiết: Dịch vụ quảng cáo thương mại;
- Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác. Chi tiết: Mua bán thiết bị, máy móc, nguyên vật liệu phục vụ sản xuất xe chuyên dụng. Mua bán máy móc thiết bị ngành xây dựng;
- Kho bãi và lưu trữ hàng hóa. Chi tiết: Kinh doanh kho bãi;
- Đại lý, môi giới, đấu giá. Chi tiết: Đại lý mua bán, ký gửi hàng hóa;
- Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình. Chi tiết: Mua bán hóa mỹ phẩm, đồ nhựa gia dụng, điện lạnh, điện tử, hạt nhựa, hàng kim khí, da giày;
- Bán buôn thực phẩm. Chi tiết: Mua bán đường, sản phẩm từ bơ sữa, pho mát, thịt nguội, bánh kẹo, đồ hộp;
- Bán buôn đồ uống. Chi tiết: Mua bán rượu, bia, giải khát, sữa (không kinh doanh dịch vụ ăn uống);
- In ấn. Chi tiết: In trên bao bì (không in tại trụ sở);
- Dịch vụ hỗ trợ giáo dục. Chi tiết: Tư vấn du học;
- Hoạt động dịch vụ tài chính khác chưa được phân vào đâu (trừ bảo hiểm và bảo hiểm xã hội). Chi tiết: Đại lý đổi ngoại tệ;
- Cung ứng và quản lý nguồn lao động. Chi tiết: Hoạt động dịch vụ đưa người lao động đi làm việc ở nước ngoài;
- Bán buôn kim loại và quặng kim loại. Chi tiết: Mua bán thép, inox, ống thép, kết cấu thép, thép phôi, thép xây dựng, ống kim loại và thép lá, dây kim loại, thép cán nguội dạng cuộn, thép cán nóng dạng cuộn - tấm, sắt thép phế liệu (không mua bán tại trụ sở).

2. Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát và Tổng Giám đốc

Các thành viên của Hội đồng Quản trị của Công ty trong suốt năm tài chính và đến ngày lập báo cáo này bao gồm các vị như sau:

<u>Họ và tên:</u>	<u>Chức vụ:</u>
- Ông Ryotaro Ohtake	Chủ tịch
- Ông Kakazu Shogo	Phó Chủ tịch
- Ông Nguyễn Văn Hồng	Thành viên
- Ông Đinh Quang Phước Thanh	Thành viên
- Ông Shimabukuro Yoshinori	Thành viên

BÁO CÁO CỦA TỔNG GIÁM ĐỐC (Tiếp theo)

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2020

Các thành viên của Ban Kiểm soát của Công ty trong suốt năm tài chính và đến ngày lập báo cáo này bao gồm các vị như sau:

<u>Họ và tên:</u>	<u>Chức vụ:</u>
- Bà Nguyễn Thủy Phương	Trưởng ban
- Bà Nguyễn Thị Hương Giang	Thành viên

Tổng Giám đốc – người đại diện theo pháp luật Công ty đã điều hành hoạt động của Công ty trong suốt năm tài chính và đến ngày lập báo cáo này là Ông Kakazu Shogo.

3. Trụ sở

Công ty có trụ sở tại 25 Pasteur, phường Nguyễn Thái Bình, quận 1, thành phố Hồ Chí Minh.

4. Tình hình tài chính và kết quả hoạt động kinh doanh

Chi tiết tình hình tài chính vào ngày 31 tháng 12 năm 2020 và kết quả hoạt động kinh doanh cho năm tài chính kết thúc cùng ngày của Văn phòng Công ty được trình bày trong Báo cáo tài chính văn phòng đã được kiểm toán đính kèm.

5. Các sự kiện quan trọng phát sinh trong niên độ

Ngày 14 tháng 05 năm 2020, Tòa án Nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh đã thụ lý đơn yêu cầu mở thủ tục phá sản số 04/2020/TL-MTTPS của Ông Nguyễn Văn Hồng là cổ đông của Công ty. Ngày 22 tháng 06 năm 2020, Tòa án Nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh ban hành Quyết định số 759/2020/QĐ-KMTTPS về việc không mở thủ tục phá sản đối với Công ty.

Ngoài sự việc nêu trên, không có sự kiện quan trọng nào xảy ra trong năm tài chính cần trình bày trên Báo cáo tài chính văn phòng.

6. Các khoản bất thường và sự kiện phát sinh sau niên độ

Đến ngày lập báo cáo này, Tổng Giám đốc Công ty cho rằng, không có sự kiện nào có thể làm cho các số liệu và thông tin đã được trình bày trong Báo cáo tài chính văn phòng đã được kiểm toán của Văn phòng Công ty bị phản ánh sai lệch.

7. Công ty kiểm toán

Công ty TNHH PKF Việt Nam được chỉ định là kiểm toán viên thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính văn phòng cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Văn phòng Công ty.

BÁO CÁO CỦA TỔNG GIÁM ĐỐC (Tiếp theo)
Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2020

8. Công bố trách nhiệm của Tổng Giám đốc

Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập Báo cáo tài chính văn phòng và đảm bảo Báo cáo tài chính văn phòng đã phản ánh trung thực và hợp lý về tình hình tài chính vào ngày 31 tháng 12 năm 2020 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ trong năm tài chính kết thúc cùng ngày của Văn phòng Công ty. Để lập Báo cáo tài chính văn phòng này, Tổng Giám đốc Công ty được yêu cầu:

- Xây dựng và duy trì kiểm soát nội bộ mà Tổng Giám đốc công ty xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính văn phòng không còn sai sót trọng yếu do gian lận hoặc do nhầm lẫn;
- Lựa chọn phù hợp và áp dụng nhất quán các chính sách kế toán;
- Thực hiện các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán được áp dụng có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu đến mức cần phải công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính văn phòng hay không;
- Lập và trình bày các Báo cáo tài chính văn phòng trên cơ sở tuân thủ các Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính văn phòng;
- Lập Báo cáo tài chính văn phòng trên cơ sở hoạt động liên tục trừ khi giả thuyết Văn phòng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động không còn phù hợp.

Tổng Giám đốc Công ty cam kết rằng đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính văn phòng và nhận thấy không có vấn đề bất thường xảy ra có thể ảnh hưởng đến khả năng hoạt động liên tục của doanh nghiệp.

Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo sổ kế toán được ghi chép đầy đủ, phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Văn phòng Công ty và đảm bảo Báo cáo tài chính văn phòng của Văn phòng Công ty được lập phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính văn phòng.

Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho các tài sản và đã thực hiện các biện pháp phù hợp để ngăn ngừa và phát hiện sai sót và các trường hợp vi phạm khác.

Tổng Giám đốc xác nhận rằng Báo cáo tài chính văn phòng cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Văn phòng Công ty đã được lập theo đúng các yêu cầu nêu trên.

Ngoài ra, Tổng Giám đốc cam kết rằng Công ty không vi phạm nghĩa vụ công bố thông tin theo quy định tại Thông tư số 155/2015/TT-BTC, ngày 06 tháng 10 năm 2015 của Bộ Tài Chính hướng dẫn về việc công bố thông tin trên thị trường chứng khoán.

BÁO CÁO CỦA TỔNG GIÁM ĐỐC (Tiếp theo)
Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2020

9. Ý kiến của Tổng Giám đốc

Theo ý kiến của Tổng Giám đốc Công ty, Báo cáo tài chính văn phòng đã được kiểm toán (đính kèm) đã phản ánh trung thực và hợp lý về tình hình tài chính của Văn phòng Công ty vào ngày 31 tháng 12 năm 2020, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ trong năm tài chính kết thúc cùng ngày và được lập phù hợp các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính văn phòng.

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 30 tháng 03 năm 2021



Kakazu Shogo
Tổng Giám đốc



Số: 053/2021/BCKT-PKF.HCMC

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 30 tháng 03 năm 2021

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: **CÁC CỔ ĐÔNG, HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ TỔNG GIÁM ĐỐC
CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN CHUYỂN SÀI GÒN TOURIST**

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính văn phòng kèm theo của Văn phòng Công ty Cổ phần Vận chuyển Sài Gòn Tourist, được lập ngày 30 tháng 03 năm 2021, từ trang 10 đến trang 43, bao gồm Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2020, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính văn phòng.

Báo cáo tài chính văn phòng đã được kiểm toán này không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

Trách nhiệm của Tổng Giám đốc

Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Vận chuyển Sài Gòn Tourist chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính văn phòng của Văn phòng Công ty theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính văn phòng và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính văn phòng không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính văn phòng dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các Chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính văn phòng của Văn phòng Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính văn phòng. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính văn phòng do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Văn phòng Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính văn phòng trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Văn phòng Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính văn phòng.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán ngoại trừ của chúng tôi.



Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ

Tại thời điểm phát hành báo cáo kiểm toán, chúng tôi không thể xác nhận số dư các khoản nợ phải thu khách hàng ngắn hạn với số tiền 9.596.271.434 đồng, phải thu ngắn hạn khác với số tiền 32.375.242.294 đồng và phải thu về cho vay dài hạn với số tiền 5.796.000.000 đồng. Cụ thể như sau:

31/12/2020 (VND)		
	Giá trị	Dự phòng
<i>Phải thu ngắn hạn của khách hàng</i>	9.596.271.434	9.596.271.434
- Công ty Cổ phần Đầu tư & Phát triển An Thiện Nhân	9.596.271.434	9.596.271.434
<i>Phải thu ngắn hạn khác</i>	32.375.242.294	32.375.242.294
- Công ty Cổ phần Đầu tư Tài chính Đất Việt	30.972.774.876	30.972.774.876
- Công ty Xuất nhập khẩu Việt Tiệp	1.402.467.418	1.402.467.418
<i>Phải thu về cho vay dài hạn</i>	5.796.000.000	5.796.000.000
- Công ty Cổ phần Ô tô Vận tải Vina Đông Dương	5.796.000.000	5.796.000.000

Chúng tôi không có điều kiện thực hiện các thủ tục kiểm toán thay thế khác để xác định tính đúng đắn của các khoản công nợ này. Do những vấn đề nêu trên, chúng tôi không thể xác định các điều chỉnh cần thiết đối với các khoản mục nêu trên đã được ghi nhận và chưa được ghi nhận, cũng như các yếu tố liên quan của Bảng cân đối kế toán, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và Báo cáo lưu chuyển tiền tệ của Văn phòng Công ty.

Như đã trình bày ở thuyết minh 8.7 trong Báo cáo tài chính văn phòng, Văn phòng Công ty đã phát sinh khoản lỗ thuần là 4.996.322.006 đồng trong năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020 và cũng vào ngày này, Văn phòng Công ty có khoản lỗ lũy kế là 99.599.985.906 đồng và các khoản nợ ngắn hạn của Công ty đã vượt quá tổng tài sản của Công ty là 17.678.897.870 đồng. Tại thời điểm phát hành báo cáo kiểm toán, Văn phòng Công ty đã không thể tái đàm phán hoặc đạt được các thỏa thuận hỗ trợ tài chính thay thế. Thực tế này cho thấy việc tồn tại yếu tố không chắc chắn trọng yếu có thể dẫn đến nghi ngờ đáng kể về khả năng hoạt động liên tục của Văn phòng Công ty, và do đó, Văn phòng Công ty có thể không thực hiện được giá trị tài sản và thanh toán các khoản nợ phải trả trong điều kiện hoạt động bình thường. Báo cáo tài chính Văn phòng và các thuyết minh kèm theo đã không trình bày đầy đủ vấn đề này.

Ý kiến kiểm toán ngoại trừ

Theo ý kiến của chúng tôi, ngoại trừ ảnh hưởng của vấn đề nêu tại đoạn "Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ", Báo cáo tài chính văn phòng đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Văn phòng Công ty Cổ phần Vận chuyển Sài Gòn Tourist tại ngày 31 tháng 12 năm 2020, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính văn phòng.

Vấn đề cần nhấn mạnh

Chúng tôi lưu ý người đọc đến Thuyết minh 5.6 trong Bản thuyết minh báo cáo tài chính, trong đó đề cập trách nhiệm và nghĩa vụ nộp tiền thuê đất tại địa chỉ 99C Phổ Quang, Phường 2, Quận Tân Bình, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam là của Công ty Cổ Phần Đầu Tư Tài Chính Đất Việt. Tuy nhiên, Văn phòng Công ty đã đang thanh toán hộ khoản tiền thuê đất nêu trên cho Công ty Cổ Phần Đầu Tư Tài Chính Đất Việt và đồng thời Văn phòng Công ty đã nộp hồ sơ cho các cơ quan có thẩm quyền để yêu cầu giải quyết vụ việc trên. Đến ngày phát hành báo cáo này, Văn phòng Công ty chưa nhận được kết luận chính thức từ các cơ quan có thẩm quyền.

Ý kiến kiểm toán ngoại trừ của chúng tôi không liên quan đến vấn đề cần nhấn mạnh này.

Đại diện cho Công ty TNHH PKF Việt Nam.



Tô Bửu Loan

Phó Tổng Giám đốc

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề
kiểm toán số 1201-2018-242-1

Võ Tuấn Anh

Kiểm toán viên

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề
kiểm toán số 4107-2017-242-1



BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN
Ngày 31 tháng 12 năm 2020

Đơn vị: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2020	01/01/2020
TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		4.307.871.960	4.652.050.507
Tiền và các khoản tương đương tiền	110	5.1	56.581.494	757.625.402
Tiền	111		56.581.494	757.625.402
Các khoản tương đương tiền	112		-	-
Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120		-	150.000.000
Chứng khoán kinh doanh	121		-	-
Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh (*)	122		-	-
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123		-	150.000.000
Các khoản phải thu ngắn hạn	130		3.517.914.225	2.791.134.858
Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	5.3	13.193.921.264	12.889.334.822
Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	5.4	935.990.049	758.593.400
Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-	-
Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134		-	-
Phải thu về cho vay ngắn hạn	135		-	-
Phải thu ngắn hạn khác	136	5.5a	35.650.090.271	33.231.942.616
Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi (*)	137	5.6	(46.262.087.359)	(44.088.735.980)
Tài sản thiếu chờ xử lý	139		-	-
Hàng tồn kho	140	5.7	29.254.777	54.846.148
Hàng tồn kho	141		56.148.277	77.568.715
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho (*)	149		(26.893.500)	(22.722.567)
Tài sản ngắn hạn khác	150		704.121.464	898.444.099
Chi phí trả trước ngắn hạn	151	5.8a	293.974.320	542.659.762
Thuế GTGT được khấu trừ	152	5.15	249.418.752	195.055.945
Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	5.15	160.728.392	160.728.392
Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	154		-	-
Tài sản ngắn hạn khác	155		-	-

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (Tiếp theo)

Ngày 31 tháng 12 năm 2020

Đơn vị: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2020	01/01/2020
TÀI SẢN DÀI HẠN	200		20.825.938.500	22.883.698.011
Các khoản phải thu dài hạn	210		432.357.979	470.757.979
Phải thu dài hạn của khách hàng	211		-	-
Trả trước cho người bán dài hạn	212		-	-
Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc	213		-	-
Phải thu nội bộ dài hạn	214		-	-
Phải thu về cho vay dài hạn	215	5.9	5.796.000.000	5.796.000.000
Phải thu dài hạn khác	216	5.5b	432.357.979	470.757.979
Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi (*)	219		(5.796.000.000)	(5.796.000.000)
Tài sản cố định	220		11.769.064.481	13.762.839.328
Tài sản cố định hữu hình	221	5.10	11.729.064.513	13.682.839.352
- Nguyên giá	222		23.276.299.682	23.276.299.682
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	223		(11.547.235.169)	(9.593.460.330)
Tài sản cố định thuê tài chính	224		-	-
- Nguyên giá	225		-	-
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	226		-	-
Tài sản cố định vô hình	227	5.11	39.999.968	79.999.976
- Nguyên giá	228		200.000.000	200.000.000
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	229		(160.000.032)	(120.000.024)
Bất động sản đầu tư	230		-	-
- Nguyên giá	231		-	-
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	232		-	-
Tài sản dở dang dài hạn	240		8.544.500.040	8.544.500.040
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn	241		-	-
Chi phí XDCB dở dang	242	5.12	8.544.500.040	8.544.500.040
Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250		80.016.000	80.016.000
Đầu tư vào công ty con	251		-	-
Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252		-	-
Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253	5.2	80.016.000	80.016.000
Dự phòng giảm giá đầu tư dài hạn (*)	254		-	-
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255		-	-
Tài sản dài hạn khác	260		-	25.584.664
Chi phí trả trước dài hạn	261	5.8b	-	25.584.664
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262		-	-
Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn	263		-	-
Tài sản dài hạn khác	268		-	-
CỘNG TÀI SẢN	270		25.133.810.460	27.535.748.518

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (Tiếp theo)
Ngày 31 tháng 12 năm 2020

Đơn vị: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2020	01/01/2020
NỢ PHẢI TRẢ	300		44.733.796.366	42.139.412.418
Nợ ngắn hạn	310		42.812.708.330	37.573.740.506
Phải trả người bán ngắn hạn	311	5.13	1.181.339.882	851.681.769
Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	5.14	1.189.260.532	877.066.599
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	5.15	15.324.802.276	13.491.586.966
Phải trả người lao động	314		352.223.076	871.349.713
Chi phí phải trả ngắn hạn	315	5.16a	309.371.818	218.718.699
Phải trả nội bộ ngắn hạn	316		-	-
Phải trả theo tiến độ KH hợp đồng xây dựng	317		-	-
Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318		52.113.655	58.400.019
Phải trả ngắn hạn khác	319	5.17a	21.121.884.313	18.703.402.165
Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	5.18a	3.281.712.778	2.501.534.576
Dự phòng phải trả ngắn hạn	321		-	-
Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		-	-
Quỹ bình ổn giá	323		-	-
Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	324		-	-
Nợ dài hạn	330		1.921.088.036	4.565.671.912
Phải trả người bán dài hạn	331		-	-
Người mua trả tiền trước dài hạn	332		-	-
Chi phí phải trả dài hạn	333	5.16b	10.011.022	141.960.322
Phải trả nội bộ về vốn kinh doanh	334		-	-
Phải trả nội bộ dài hạn	335		-	-
Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	336		-	-
Phải trả dài hạn khác	337	5.17b	1.104.649.286	1.115.749.286
Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	5.18b	806.427.728	3.307.962.304
Trái phiếu chuyển đổi	339		-	-
Cổ phiếu ưu đãi	340		-	-
Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	341		-	-
Dự phòng phải trả dài hạn	342		-	-
Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	343		-	-

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (Tiếp theo)

Ngày 31 tháng 12 năm 2020

Đơn vị: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2020	01/01/2020
VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		(19.599.985.906)	(14.603.663.900)
Vốn chủ sở hữu	410	5.19	(19.599.985.906)	(14.603.663.900)
Vốn góp của chủ sở hữu	411		80.000.000.000	80.000.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		80.000.000.000	80.000.000.000
- Cổ phiếu ưu đãi	411b		-	-
Thặng dư vốn cổ phần	412		-	-
Quyền chọn chuyển đổi trái phiếu	413		-	-
Vốn khác của chủ sở hữu	414		-	-
Cổ phiếu quỹ (*)	415		-	-
Chênh lệch đánh giá lại tài sản	416		-	-
Chênh lệch tỷ giá hối đoái	417		-	-
Quỹ đầu tư phát triển	418		-	-
Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	419		-	-
Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420		-	-
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		(99.599.985.906)	(94.603.663.900)
- LNST chưa PP lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		(94.603.663.900)	(80.630.707.088)
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		(4.996.322.006)	(13.972.956.812)
Nguồn vốn đầu tư XDCB	422		-	-
Nguồn kinh phí	430		-	-
Nguồn kinh phí	432		-	-
Nguồn kinh phí đã hình thành TSCĐ	433		-	-
CỘNG NGUỒN VỐN	440		25.133.810.460	27.535.748.518

Ngày 30 tháng 03 năm 2021

NGƯỜI LẬP BIỂU

KẾ TOÁN TRƯỞNG

TỔNG GIÁM ĐỐC






Nguyễn Thị Phương Thảo

Nguyễn Thị Phương Thảo

Kakazu Shogo

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2020

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm 2020	Năm 2019
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	6.1	8.498.896.565	13.430.706.838
Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10	6.1	8.498.896.565	13.430.706.838
Giá vốn hàng bán	11	6.2	9.472.267.785	13.096.020.485
Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		(973.371.220)	334.686.353
Doanh thu hoạt động tài chính	21	6.3	4.043.983	16.453.534
Chi phí tài chính	22	6.4	540.264.677	842.903.484
<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>	23		<i>539.999.709</i>	<i>767.823.051</i>
Chi phí bán hàng	25		-	-
Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	6.5	3.049.347.143	14.057.945.093
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		(4.558.939.057)	(14.549.708.690)
Thu nhập khác	31	6.6	77.979.924	873.556.366
Chi phí khác	32	6.7	515.362.873	296.804.488
Lợi nhuận khác	40		(437.382.949)	576.751.878
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		(4.996.322.006)	(13.972.956.812)
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	6.9	-	-
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52		-	-
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		(4.996.322.006)	(13.972.956.812)

Ngày 30 tháng 03 năm 2021

NGƯỜI LẬP BIỂU

KẾ TOÁN TRƯỞNG

TỔNG GIÁM ĐỐC

Home

Home



Nguyễn Thị Phương Thảo

Nguyễn Thị Phương Thảo

Kakazu Shogo

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ (Theo phương pháp gián tiếp)

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2020

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Năm 2020	Năm 2019
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
Lợi nhuận trước thuế	01	(4.996.322.006)	(13.972.956.812)
Điều chỉnh cho các khoản			
- Khấu hao tài sản cố định và bất động sản đầu tư	02	1.993.774.847	2.237.257.515
- Các khoản dự phòng	03	2.177.522.312	11.486.020.322
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04	-	-
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05	(4.043.983)	58.626.899
- Chi phí lãi vay	06	539.999.709	767.823.051
- Các khoản điều chỉnh khác	07	-	-
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08	(289.069.121)	576.770.975
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09	(2.925.279.159)	(9.769.043.210)
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10	21.420.438	25.319.400
- Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11	4.275.565.322	8.793.136.664
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12	274.270.106	48.873.262
- Tăng, giảm chứng khoán kinh doanh	13	-	-
- Tiền lãi vay đã trả	14	(499.824.709)	(767.823.051)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	-	(258.000.000)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16	-	-
- Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	17	-	-
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	857.082.877	(1.350.765.960)
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	21	-	-
Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn	22	2.727.273	-
Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23	-	-
Tiền thu hồi cho vay, bán lại công cụ nợ của đơn vị khác	24	150.000.000	-
Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25	-	138.636.179
Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26	-	3.777.768.977
Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	10.502.316	9.995.201
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	163.229.589	3.926.400.357

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ (Theo phương pháp gián tiếp) (Tiếp theo)
Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2020

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Năm 2020	Năm 2019
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31	-	-
Tiền chi trả vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32	-	-
Tiền thu từ đi vay	33	-	-
Tiền trả nợ gốc vay	34	(1.721.356.374)	(2.594.741.826)
Tiền trả nợ thuê tài chính	35	-	-
Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	-	-
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	(1.721.356.374)	(2.594.741.826)
LƯU CHUYỂN TIỀN THUẦN TRONG NĂM			
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	757.625.402	776.732.831
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	-	-
Tiền và tương đương tiền cuối năm	70	56.581.494	757.625.402

Ngày 30 tháng 03 năm 2021

NGƯỜI LẬP BIỂU

KẾ TOÁN TRƯỞNG

TỔNG GIÁM ĐỐC





Nguyễn Thị Phương Thảo

Nguyễn Thị Phương Thảo

Kakazu Shogo

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH VĂN PHÒNG

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2020

1 ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Vận chuyển Sài Gòn Tourist được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0303609986 ngày 31 tháng 12 năm 2004, đăng ký thay đổi gần nhất (lần thứ 16) ngày 07 tháng 07 năm 2020 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp.

Mã số thuế: 0303609986

Mã chứng khoán: STT

Vốn điều lệ của Công ty là 80.000.000.000 đồng (tám mươi tỷ đồng).

Nghành nghề kinh doanh và hoạt động chính

- Vận tải hành khách đường bộ trong nội thành, ngoại thành (trừ vận tải bằng xe buýt). Chi tiết: Kinh doanh vận tải khách bằng taxi;
- Vận tải hành khách đường bộ khác. Chi tiết: Kinh doanh vận tải khách theo hợp đồng;
- Điều hành tua du lịch. Chi tiết: Kinh doanh du lịch lữ hành nội địa và quốc tế;
- Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải. Chi tiết: Đại lý bán vé máy bay, tàu cánh ngầm. Dịch vụ giao hàng nhận hàng hóa trong nước và xuất nhập khẩu. Dịch vụ vận tải hàng hóa. Môi trường thương mại. Môi giới hàng hải. Đại lý tàu biển. Đại lý bán vé tàu hỏa. Dịch vụ giữ xe;
- Giáo dục nghề nghiệp. Chi tiết: Đào tạo lái xe (môtô và ô tô các loại), đào tạo nghề;
- Bán buôn ô tô và xe có động cơ khác. Chi tiết: Mua bán xe ô tô. Mua bán xe tải, xe chuyên dụng, xe bơm bê tông, xe trộn bê tông, xe bồn;
- Bán phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của ô tô và xe có động cơ khác. Chi tiết: Mua bán phụ tùng;
- Bảo dưỡng, sửa chữa ô tô và xe có động cơ khác. Chi tiết: Sửa chữa, bảo dưỡng xe ô tô các loại;
- Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê. Chi tiết: Kinh doanh nhà. Dịch vụ cho thuê văn phòng, nhà. Kinh doanh bất động sản;
- Bán buôn nhiên liệu rắn, lỏng, khí và các sản phẩm liên quan. Chi tiết: Đại lý kinh doanh xăng dầu;
- Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động. Chi tiết: Kinh doanh nhà hàng (không kinh doanh tại trụ sở);
- Dịch vụ lưu trú ngắn ngày. Chi tiết: Kinh doanh khách sạn (không kinh doanh tại trụ sở);
- Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu. Chi tiết: Mua bán hàng thủ công mỹ nghệ, hóa chất (trừ hóa chất có tính độc hại mạnh), phụ gia, thực phẩm (không kinh doanh dịch vụ ăn uống);
- Bán buôn nông, lâm sản nguyên liệu (trừ gỗ, tre, nứa) và động vật sống. Chi tiết: Mua bán nông lâm hải sản;
- Bán buôn vải, hàng may sẵn, giày dép. Chi tiết: Mua bán hàng may mặc;
- Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng. Chi tiết: Mua bán vật liệu xây dựng;
- Buôn bán máy tính, thiết bị ngoại vi và phần mềm. Chi tiết: Mua bán máy vi tính;

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH VĂN PHÒNG (Tiếp theo)

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2020

- Xây dựng công trình đường sắt và đường bộ. Chi tiết: Xây dựng công trình cầu đường giao thông;
- Xây dựng công trình công ích. Chi tiết: Xây dựng công trình thủy lợi;
- Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác. Chi tiết: Xây dựng công trình dân dụng, công nghiệp;
- Chuẩn bị mặt bằng. Chi tiết: San lấp mặt bằng;
- Hoạt động thiết kế chuyên dụng. Chi tiết: Trang trí nội ngoại thất. Thiết kế tạo mẫu;
- Quảng cáo. Chi tiết: Dịch vụ quảng cáo thương mại;
- Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác. Chi tiết: Mua bán thiết bị, máy móc, nguyên vật liệu phục vụ sản xuất xe chuyên dụng. Mua bán máy móc thiết bị ngành xây dựng;
- Kho bãi và lưu trữ hàng hóa. Chi tiết: Kinh doanh kho bãi;
- Đại lý, môi giới, đấu giá. Chi tiết: Đại lý mua bán, ký gửi hàng hóa;
- Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình. Chi tiết: Mua bán hóa mỹ phẩm, đồ nhựa gia dụng, điện lạnh, điện tử, hạt nhựa, hàng kim khí, da giày;
- Bán buôn thực phẩm. Chi tiết: Mua bán đường, sản phẩm từ bơ sữa, pho mát, thịt nguội, bánh kẹo, đồ hộp;
- Bán buôn đồ uống. Chi tiết: Mua bán rượu, bia, giải khát, sữa (không kinh doanh dịch vụ ăn uống);
- In ấn. Chi tiết: In trên bao bì (không in tại trụ sở);
- Dịch vụ hỗ trợ giáo dục. Chi tiết: Tư vấn du học;
- Hoạt động dịch vụ tài chính khác chưa được phân vào đâu (trừ bảo hiểm và bảo hiểm xã hội). Chi tiết: Đại lý đổi ngoại tệ;
- Cung ứng và quản lý nguồn lao động. Chi tiết: Hoạt động dịch vụ đưa người lao động đi làm việc ở nước ngoài;
- Bán buôn kim loại và quặng kim loại. Chi tiết: Mua bán thép, inox, ống thép, kết cấu thép, thép phôi, thép xây dựng, ống kim loại và thép lá, dây kim loại, thép cán nguội dạng cuộn, thép cán nóng dạng cuộn - tấm, sắt thép phế liệu (không mua bán tại trụ sở).

Trong năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2020, hoạt động sản xuất kinh doanh chính của Văn phòng Công ty là cung cấp các dịch vụ taxi, cho thuê xe và các dịch vụ khác.

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Văn phòng Công ty được thực hiện trong thời gian không quá 12 tháng.

Cấu trúc doanh nghiệp

Văn phòng Công ty đặt tại 25 Pasteur, phường Nguyễn Thái Bình, quận 1, thành phố Hồ Chí Minh.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH VĂN PHÒNG (Tiếp theo)
Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2020

2 CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH VĂN PHÒNG

Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Báo cáo tài chính văn phòng được lập phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính, Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21/03/2016 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 hướng dẫn chế độ kế toán doanh nghiệp.

Báo cáo tài chính văn phòng được lập trên cơ sở kế toán dồn tích (trừ các thông tin liên quan đến các luồng tiền).

3 NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

Năm tài chính của Văn phòng Công ty bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 năm dương lịch.

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là đồng Việt Nam (VND).

4 TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN QUAN TRỌNG

Các chính sách kế toán đã được áp dụng trong việc trình bày Báo cáo tài chính văn phòng này là nhất quán với các chính sách kế toán đã được áp dụng để trình bày Báo cáo tài chính văn phòng cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2019 của Công ty.

4.1. Ước tính kế toán

Việc lập và trình bày Báo cáo tài chính văn phòng cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Văn phòng Công ty tuân thủ theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam, yêu cầu Tổng Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày kết thúc năm tài chính cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Kết quả hoạt động kinh doanh thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

4.2. Tiền

Tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản tiền gửi ngân hàng (không kỳ hạn).

4.3. Nợ phải thu

Các khoản phải thu trình bày trong Báo cáo tài chính văn phòng theo giá trị ghi sổ phải thu từ khách hàng của Văn phòng Công ty và các khoản phải thu khác cộng với dự phòng nợ phải thu khó đòi. Tại thời điểm báo cáo, nếu:

- Khoản phải thu có thời gian thu hồi hoặc thanh toán dưới 1 năm (hoặc trong một chu kỳ sản xuất kinh doanh) được phân loại là Tài sản ngắn hạn;
- Khoản phải thu có thời gian thu hồi hoặc thanh toán trên 1 năm (hoặc nhiều hơn một chu kỳ sản xuất kinh doanh) được phân loại là Tài sản dài hạn;

Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị dự kiến bị tổn thất do các khoản phải thu không được khách hàng thanh toán phát sinh đối với số dư các khoản phải thu vào ngày kết thúc năm tài chính.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH VĂN PHÒNG (Tiếp theo)

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2020

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản phải thu đã quá hạn thanh toán từ sáu tháng trở lên hoặc các khoản phải thu mà khách nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự (không bao gồm những khách hàng đã quá hạn trên nhưng đang tiến hành thanh toán hoặc có cam kết thanh toán trong thời gian tới).

4.4. Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được thể hiện là giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho.

Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho được xác định bằng giá bán ước tính trừ đi các chi phí ước tính để tiêu thụ được hàng tồn kho.

Văn phòng Công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho với giá trị được xác định theo như sau:

- | | |
|-------------------------|---------------------|
| - Nguyên liệu, vật liệu | Bình quân gia quyền |
| - Hàng hóa | Bình quân gia quyền |

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được trích lập cho các vật tư, hàng hóa tồn kho có giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được theo quy định tại Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 02 "Hàng tồn kho" và Thông tư 48/2019/TT-BTC ban hành ngày 08/08/2019 của Bộ Tài chính về việc hướng dẫn chế độ trích lập và sử dụng các khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho, tổn thất các khoản đầu tư tài chính, nợ phải thu khó đòi và bảo hành sản phẩm, hàng hóa, công trình xây lắp tại doanh nghiệp.

4.5. Tài sản cố định và khấu hao tài sản cố định

Tài sản cố định được phản ánh theo nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế.

Tài sản cố định hữu hình

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình do tự làm, tự xây dựng bao gồm chi phí xây dựng, chi phí sản xuất thực tế phát sinh cộng chi phí lắp đặt và chạy thử. Các chi phí nâng cấp tài sản cố định hữu hình được vốn hóa, ghi tăng nguyên giá tài sản cố định; các chi phí bảo trì, sửa chữa được tính vào kết quả hoạt động kinh doanh trong năm. Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và bất kỳ các khoản lãi lỗ nào phát sinh do thanh lý tài sản cố định hữu hình đều được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH VĂN PHÒNG (Tiếp theo)
Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2020

Khấu hao TSCĐ hữu hình được tính theo phương pháp đường thẳng, áp dụng cho tất cả các tài sản theo tỷ lệ được tính toán để phân bổ nguyên giá trong suốt thời gian ước tính sử dụng và phù hợp với hướng dẫn tại Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25/04/2013 của Bộ Tài chính về việc hướng dẫn Chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định, Thông tư số 147/2016/TT-BTC ngày 13/10/2016 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 45/2013/TT-BTC và Thông tư số 28/2017/TT-BTC ngày 12/04/2017 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 45/2013/TT-BTC và thông tư số 147/2016/TT-BTC ngày 13/10/2016.

Thời gian trích khấu hao tài sản cố định hữu hình của Văn phòng Công ty như sau:

<u>Loại tài sản cố định</u>	<u>Số năm</u>
Nhà cửa, vật kiến trúc	15 - 50
Máy móc và thiết bị	10
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	10
Thiết bị, dụng cụ quản lý	03 - 10

Tài sản cố định vô hình

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm giá mua và các chi phí trực tiếp liên quan đến việc chuẩn bị để đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí nâng cấp tài sản được vốn hóa vào nguyên giá tài sản cố định; các chi phí khác được tính vào kết quả hoạt động kinh doanh trong năm. Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và bất kỳ các khoản lãi lỗ nào phát sinh do thanh lý tài sản cố định hữu hình đều được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh.

Khấu hao TSCĐ vô hình được tính theo phương pháp đường thẳng, áp dụng cho tất cả các tài sản theo tỷ lệ được tính toán để phân bổ nguyên giá trong suốt thời gian ước tính sử dụng và phù hợp với hướng dẫn tại Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25/04/2013 của Bộ Tài chính về việc hướng dẫn Chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định, Thông tư số 147/2016/TT-BTC ngày 13/10/2016 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 45/2013/TT-BTC và Thông tư số 28/2017/TT-BTC ngày 12/04/2017 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 45/2013/TT-BTC và thông tư số 147/2016/TT-BTC ngày 13/10/2016.

Thời gian trích khấu hao tài sản cố định vô hình của Văn phòng Công ty như sau:

- Phần mềm máy tính khấu hao trong 05 năm.

4.6. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang bao gồm các khoản chi phí đầu tư hình thành tài sản cố định (chi phí mua sắm tài sản cố định, đầu tư xây dựng cơ bản) và chi phí sửa chữa tài sản cố định còn chưa hoàn thành tại ngày kết thúc kỳ tài chính. Chi phí xây dựng cơ bản được ghi nhận theo giá gốc. Tài sản sau khi kết thúc quá trình đầu tư sẽ được trích khấu hao giống như các tài sản cố định khác, bắt đầu từ khi tài sản được đưa vào sử dụng.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH VĂN PHÒNG (Tiếp theo)
Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2020

4.7. Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư tài chính được kế toán theo phương pháp giá gốc. Văn phòng Công ty chỉ hạch toán vào thu nhập trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khoản được chia từ lợi nhuận thuần lũy kế của bên nhận đầu tư phát sinh sau ngày đầu tư. Các khoản khác mà Công ty/Công ty mẹ nhận được ngoài lợi nhuận được chia được coi là phần thu hồi các khoản đầu tư và được ghi nhận là khoản giảm trừ giá gốc khoản đầu tư.

Các khoản đầu tư tài chính tại thời điểm báo cáo, nếu:

- (i) Có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 90 ngày kể từ ngày mua khoản đầu tư đó được coi là "tương đương tiền";
- (ii) Có thời hạn thu hồi vốn dưới 1 (một) năm hoặc trong 1 (một) chu kỳ kinh doanh được phân loại là tài sản ngắn hạn;
- (iii) Có thời hạn thu hồi vốn trên 1 (một) năm hoặc trên 1 (một) chu kỳ kinh doanh được phân loại là tài sản dài hạn (các khoản đầu tư tài chính dài hạn).

Các khoản đầu tư tài chính dài hạn

Các khoản đầu tư dài hạn khác bao gồm các khoản đầu tư cổ phiếu, góp vốn vào các đơn vị khác với tỷ lệ nhỏ hơn 20% vốn điều lệ của công ty nhận đầu tư, các khoản cho vay và đầu tư dài hạn khác. Các khoản đầu tư này được phản ánh theo giá gốc.

Dự phòng giảm giá đầu tư được lập vào thời điểm cuối kỳ tài chính là số chênh lệch giữa giá gốc của các khoản đầu tư được hạch toán trên sổ kế toán lớn hơn giá trị thị trường của chúng tại thời điểm lập dự phòng.

4.8. Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm công cụ dụng cụ, giá trị của các tài sản không có đủ tiêu chuẩn là TSCĐ, chi phí sửa chữa lớn tài sản cố định và các chi phí trả trước khác. Chi phí trả trước sẽ được phân bổ dần vào chi phí sản xuất kinh doanh trong thời gian hợp lý kể từ khi phát sinh.

4.9. Nợ phải trả

Các khoản phải trả trình bày trong Báo cáo tài chính văn phòng theo giá trị ghi sổ phải trả cho nhà cung cấp của Văn phòng Công ty và các khoản phải trả khác và được chi tiết cho từng đối tượng phải trả. Tại thời điểm báo cáo, nếu:

- Khoản phải trả có thời hạn thanh toán dưới 1 năm (hoặc trong một chu kỳ sản xuất kinh doanh) được phân loại là ngắn hạn;
- Khoản phải trả có thời hạn thanh toán trên 1 năm (hoặc nhiều hơn một chu kỳ sản xuất kinh doanh) được phân loại là dài hạn.

4.10. Chi phí phải trả

Chi phí phải trả bao gồm giá trị các khoản chi phí đã được tính vào chi phí hoạt động kinh doanh trong năm tài chính, nhưng chưa được thực chi vào thời điểm kết thúc năm tài chính, bao gồm các chi phí liên quan đến giá vốn cung cấp dịch vụ và chi phí quản lý doanh nghiệp. Khi các chi phí đó phát sinh thực tế, nếu có chênh lệch với sổ đã trích, kế toán tiến hành ghi bổ sung hoặc ghi giảm chi phí tương ứng với phần chênh lệch.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH VĂN PHÒNG (Tiếp theo)
Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2020

4.11. Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí khi phát sinh. Trường hợp chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang cần có một thời gian đủ dài (trên 12 tháng) để có thể đưa vào sử dụng theo mục đích định trước hoặc bán thì chi phí đi vay này được vốn hóa.

Đối với các khoản vốn vay chung trong đó có sử dụng cho mục đích đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang thì chi phí đi vay vốn hóa được xác định theo tỷ lệ vốn hóa đối với chi phí lũy kế bình quân gia quyền phát sinh cho việc đầu tư xây dựng cơ bản hoặc sản xuất tài sản đó. Tỷ lệ vốn hóa được tính theo tỷ lệ lãi suất bình quân gia quyền của các khoản vay chưa trả trong năm, ngoại trừ các khoản vay biệt phục vụ cho mục đích hình thành một tài sản cụ thể.

4.12. Vốn chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu: Được ghi nhận theo số thực tế đã đầu tư của các cổ đông.

Các quỹ

Các quỹ được trích lập và sử dụng theo Điều lệ Công ty.

Phân phối lợi nhuận

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp được phân phối cho các cổ đông sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ của Công ty cũng như các quy định của pháp luật và đã được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

Việc phân phối lợi nhuận cho các cổ đông được cân nhắc đến các khoản mục phi tiền tệ nằm trong lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể ảnh hưởng đến luồng tiền và khả năng chi trả cổ tức như lãi do đánh giá lại tài sản mang đi góp vốn, lãi do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ, các công cụ tài chính và các khoản mục phi tiền tệ khác.

Cổ tức được ghi nhận là nợ phải trả khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

4.13. Doanh thu

Doanh thu được ghi nhận khi kết quả giao dịch được xác định một cách đáng tin cậy và Văn phòng Công ty có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch này.

- (i) Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi phần lớn rủi ro và lợi ích đã được chuyển giao cho khách hàng, dịch vụ đã được cung cấp và được khách hàng chấp nhận.
- (ii) Doanh thu hoạt động tài chính bao gồm doanh thu phát sinh từ lãi tiền gửi và lãi chênh lệch tỷ giá. Lãi tiền gửi được xác định trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH VĂN PHÒNG (Tiếp theo)
Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2020

4.14. Thuế

Thuế Giá trị gia tăng (GTGT):

Thuế suất thuế GTGT đối với các dịch vụ của Văn phòng Công ty là 5% và 10%.

Thuế Thu nhập Doanh nghiệp (TNDN):

Văn phòng Công ty được áp dụng mức thuế suất thuế TNDN là 20%.

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp ("TNDN") trong năm, nếu có, bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại.

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm với thuế suất áp dụng trong năm tài chính. Thu nhập chịu thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa kế toán thuế và kế toán tài chính cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập hay chi phí không phải chịu thuế hay không được khấu trừ.

Thuế thu nhập hoãn lại là khoản thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ phải nộp hoặc sẽ được hoàn lại do chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của tài sản và nợ phải trả cho mục đích Báo cáo tài chính văn phòng và các giá trị dùng cho mục đích tính thuế. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ này.

Các loại thuế khác: theo quy định hiện hành của Việt Nam.

Quyết toán thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các qui định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính văn phòng có thể bị thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế.

4.15. Công cụ tài chính

Ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính: Tại ngày ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc mua sắm tài sản tài chính đó. Tài sản tài chính của Văn phòng Công ty bao gồm tiền, các khoản tương đương tiền, các khoản phải thu khách hàng, phải thu khác, các khoản ký quỹ, các khoản đầu tư tài chính và các công cụ tài chính phái sinh.

Công nợ tài chính: Tại ngày ghi nhận ban đầu, công nợ tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc phát hành công nợ tài chính đó. Công nợ tài chính của Văn phòng Công ty bao gồm các khoản phải trả người bán, phải trả khác, các khoản chi phí phải trả, các khoản nợ thuê tài chính, các khoản vay và công cụ tài chính phái sinh.

Đánh giá lại sau lần ghi nhận ban đầu

Hiện tại, chưa có quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH VĂN PHÒNG (Tiếp theo)
Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2020

4.16. Các bên liên quan

Việc trình bày mối quan hệ với các bên liên quan và các giao dịch giữa doanh nghiệp với các bên liên quan được thực hiện theo Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 26 “Thông tin về các bên liên quan” được ban hành và công bố theo Quyết định số 234/2003/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2003 của Bộ trưởng Bộ Tài chính, cụ thể:

Các bên liên quan được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các trường hợp được coi là bên liên quan: Các doanh nghiệp - kể cả công ty mẹ, công ty con, công ty liên kết - các cá nhân, trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian, có quyền kiểm soát Công ty hoặc chịu sự kiểm soát của Công ty, hoặc cùng chung kiểm soát với Công ty. Các bên liên kết, các cá nhân nào trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Công ty mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty, những chức trách quản lý chủ chốt như Tổng Giám đốc, viên chức của Công ty, những thành viên thân cận trong gia đình của các cá nhân hoặc các bên liên kết này hoặc những công ty liên kết với các cá nhân này cũng được gọi là bên liên quan.

Trong việc xem xét mối quan hệ của từng bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú ý chứ không phải là hình thức pháp lý.

5 THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

5.1 Tiền

	31/12/2020	01/01/2020
	(VND)	(VND)
Tiền mặt	441.282	128.911.205
Tiền gửi ngân hàng	56.140.212	628.714.197
Cộng	56.581.494	757.625.402

Đến ngày 31/12/2020, một số tài khoản ngân hàng của Văn phòng Công ty bị phong tỏa theo Quyết định của Tổng Cục thuế Tp. Hồ Chí Minh về việc cưỡng chế thi hành quyết định hành chính thuế bằng biện pháp trích trước tiền từ tài khoản, cụ thể:

- Ngân hàng Quân Đội – Chi nhánh Kỳ Đồng;
- Ngân hàng TMCP Sài Gòn - Chi nhánh Cống Quỳnh.

5.2 Các khoản đầu tư tài chính

Đầu tư tài chính dài hạn

	31/12/2020			01/01/2020		
	(VND)			(VND)		
	Giá gốc	Dự phòng	Giá trị hợp lý	Giá gốc	Dự phòng	Giá trị hợp lý
Đầu tư vào Công ty khác	80.016.000	-	(*)	80.016.000	-	(*)
Tập đoàn Radius	80.016.000	-	(*)	80.016.000	-	(*)
Cộng	80.016.000	-	(*)	80.016.000	-	(*)

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH VĂN PHÒNG (Tiếp theo)

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2020

(*) Liên quan đến việc xác định giá trị hợp lý của các tài sản và nợ phải trả tài chính để thuyết minh theo quy định tại Điều 28 Thông tư 210/2009/TT-BTC ngày 06 tháng 11 năm 2009 của Bộ Tài chính, bởi vì không có giá trị niêm yết trên thị trường cho các tài sản và nợ phải trả tài chính và Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, hệ thống Kế toán Việt Nam không có hướng dẫn về cách tính giá trị hợp lý trong trường hợp không có giá trị niêm yết trên thị trường, Công ty chưa xác định giá trị hợp lý của các tài sản và nợ phải trả tài chính này cho mục đích thuyết minh. Giá trị hợp lý của các tài sản và nợ phải trả tài chính nêu trên có thể khác với giá trị ghi sổ.

Tình hình biến động của các khoản dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn như sau:

	Năm 2020	Năm 2019
	(VND)	(VND)
Số đầu năm	-	4.629.477.790
Trích lập dự phòng trong năm	-	-
Hoàn nhập dự phòng trong năm	-	(4.629.477.790)
Số cuối năm	-	-

5.3 Phải thu ngắn hạn của khách hàng

	31/12/2020	01/01/2020
	(VND)	(VND)
- Công ty Cổ phần Đầu tư & Phát triển An Thiện Nhân	9.596.271.434	9.596.271.434
- Công ty TNHH MTV Thương mại Du lịch Sài Gòn	1.329.844.758	1.329.844.758
- Ông Baghdad Sayed (Grand)	301.346.953	301.346.953
- Công ty Cổ phần VN Việt Nhật	278.036.475	278.036.475
- Các khách hàng khác	1.688.421.644	1.383.835.202
Cộng	13.193.921.264	12.889.334.822

5.4 Trả trước cho người bán

	31/12/2020	01/01/2020
	(VND)	(VND)
- Văn phòng Luật sư Hồng Nguyên & Associates	500.000.000	500.000.000
- Công ty TNHH Tư vấn Đầu tư C&V	200.000.000	100.000.000
- Công ty Bảo hiểm Bưu điện Thống Nhất	124.830.000	-
- Lê Thanh Bình	50.000.000	50.000.000
- Các nhà cung cấp khác	61.160.049	108.593.400
Cộng	935.990.049	758.593.400

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH VẮN PHÒNG (Tiếp theo)
Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2020

5.5 Phải thu khác

a. Phải thu ngắn hạn khác

	31/12/2020 (VND)		01/01/2020 (VND)	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
Tạm ứng	101.724.253	-	50.966.394	-
Các khoản ký quỹ ký cược	252.740.000	-	23.500.000	-
- Các khoản phải thu khác	35.295.626.018	33.039.765.969	33.157.476.222	30.904.363.523
- Công ty Cổ phần Đầu tư Tài chính Đất Việt	30.972.774.876	30.972.774.876	28.842.178.260	28.842.178.260
- Công ty Xuất nhập khẩu Việt Tiệp	1.402.467.418	1.402.467.418	1.402.467.418	1.402.467.418
- Cục Thuế Thành phố Hồ Chí Minh	1.000.000.000	-	1.000.000.000	-
- Công ty Điện Lực TNHH BOT Phú Mỹ 3	582.814.480	-	582.814.480	-
- Phải thu khác	1.337.569.244	664.523.675	1.330.016.064	659.717.845
Cộng	35.650.090.271	33.039.765.969	33.231.942.616	30.904.363.523

b. Phải thu dài hạn khác

	31/12/2020 (VND)		01/01/2020 (VND)	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
Phải thu khác là bên liên quan	138.636.179	-	138.636.179	-
- Trung tâm Dạy nghề Bán công Sài Gòn	138.636.179	-	138.636.179	-
Phải thu khác là bên độc lập	293.721.800	-	332.121.800	-
- Công ty TNHH MTV Thương mại Dịch vụ Huy Hoàng Hà	100.000.000	-	100.000.000	-
- Công ty TNHH MTV Đầu tư Du lịch và Vận tải biển Phương Nam	120.000.000	-	120.000.000	-
- Các khoản ký quỹ ký cược khác	73.721.800	-	112.121.800	-
Cộng	432.357.979	-	470.757.979	-

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH VĂN PHÒNG (Tiếp theo)
Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2020

5.6 Nợ xấu

	31/12/2020 (VND)		01/01/2020 (VND)	
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
Tổng giá trị các khoản phải thu, cho vay quá hạn thanh toán hoặc chưa quá hạn nhưng khó có khả năng thu hồi:	52.058.087.359	-	49.884.735.980	-
a. Ngắn hạn	46.262.087.359	-	44.088.735.980	-
Từ 03 năm trở lên	46.262.087.359	-	44.088.735.980	-
- Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển An Thiện Nhân	9.596.271.434	-	9.596.271.434	-
- Công ty Cổ phần Đầu tư Tài chính Đất Việt (i)	30.972.774.876	-	28.842.178.260	-
- Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Việt Tiệp	1.402.467.418	-	1.402.467.418	-
- Công ty TNHH Một Thành Viên Thương Mại Du Lịch Sài Gòn	1.329.844.758	-	1.329.844.758	-
- Văn phòng Luật sư Hồng Nguyên & Associates	500.000.000	-	500.000.000	-
- Các đối tượng khác	2.460.728.873	-	2.417.974.110	-
b. Dài hạn	5.796.000.000	-	5.796.000.000	-
Từ 03 năm trở lên	5.796.000.000	-	5.796.000.000	-
- Công ty Cổ phần Ô tô Vận tải Vina Đông Dương	5.796.000.000	-	5.796.000.000	-

(i) Là khoản tiền mà Công ty Cổ Phần Đầu Tư Tài Chính Đất Việt phải trả theo Hợp đồng hợp tác đầu tư dự án 99C Phổ Quang, Phường 2, Quận Tân Bình, TP. Hồ Chí Minh giữa Công ty Cổ Phần Vận Chuyển Sài Gòn Tourist và Công ty Cổ Phần Đầu Tư Tài Chính Đất Việt. Theo khoản 1, Điều 3 của hợp đồng quy định “Đất Việt sẽ đóng góp toàn bộ nguồn tài chính để chi trả các chi phí lập Dự Án; mọi chi phí cần thiết để xin sự chấp thuận và phê duyệt của tất cả các cơ quan nhà nước có thẩm quyền để cho phép tiến hành Dự Án; thuế chuyển quyền sử dụng đất, tiền thuê đất, các khoản thuế, phí và lệ phí có liên quan và các nghĩa vụ tài chính khác (nếu có) được mô tả chi tiết sau đây nhằm thực hiện đầu tư, xây dựng và khai thác Dự Án”. Công ty Cổ Phần Đầu Tư Tài Chính Đất Việt đã không thực hiện nghĩa vụ thanh toán tiền thuê đất tại 99C Phổ Quang từ thời điểm năm 2011 đến ngày 31/12/2020.

Tình hình biến động các khoản dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi

	Năm 2020 (VND)	Năm 2019 (VND)
Số đầu năm	44.088.735.980	32.625.438.225
Trích lập dự phòng trong năm	2.176.941.379	12.308.639.437
Hoàn nhập dự phòng trong năm	(3.590.000)	(845.341.682)
Số cuối năm	46.262.087.359	44.088.735.980

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH VĂN PHÒNG (Tiếp theo)
Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2020

Tình hình biến động các khoản dự phòng phải thu dài hạn khó đòi

	Năm 2020	Năm 2019
	(VND)	(VND)
Số đầu năm	5.796.000.000	5.796.000.000
Trích lập dự phòng trong năm	-	-
Hoàn nhập dự phòng trong năm	-	-
Số cuối năm	5.796.000.000	5.796.000.000

5.7 Hàng tồn kho

	31/12/2020		01/01/2020	
	(VND)		(VND)	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
- Nguyên vật liệu	33.425.710	4.170.933	54.846.148	-
- Hàng hoá	22.722.567	22.722.567	22.722.567	22.722.567
Cộng	56.148.277	26.893.500	77.568.715	22.722.567

Tình hình biến động các khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho

	Năm 2020	Năm 2019
	(VND)	(VND)
Số đầu năm	22.722.567	22.722.567
Trích lập dự phòng trong năm	4.170.933	-
Hoàn nhập dự phòng trong năm	-	-
Số cuối năm	26.893.500	22.722.567

5.8 Chi phí trả trước

a. Chi phí trả trước ngắn hạn

	Năm 2020	Năm 2019
	(VND)	(VND)
Số đầu năm	542.659.762	552.166.717
Tăng trong năm	1.588.935.552	3.306.082.467
Giảm trong năm	(1.837.620.994)	(3.315.589.422)
Số cuối năm	293.974.320	542.659.762

b. Chi phí trả trước dài hạn

	Năm 2020	Năm 2019
	(VND)	(VND)
Số đầu năm	25.584.664	64.950.970
Tăng trong năm	-	48.399.137
Giảm trong năm	(25.584.664)	(87.765.443)
Số cuối năm	-	25.584.664

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH VĂN PHÒNG (Tiếp theo)
Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2020

5.9 Phải thu về cho vay dài hạn

	31/12/2020 (VND)		01/01/2020 (VND)	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
- Công ty Cổ phần Ô tô Vận tải Vina Đông Dương (*)	5.796.000.000	5.796.000.000	5.796.000.000	5.796.000.000
Cộng	5.796.000.000	5.796.000.000	5.796.000.000	5.796.000.000

(*) Là khoản cho Công ty Cổ phần Ô tô Vận tải Vina Đông Dương vay theo Hợp đồng cho vay số 64/11/HĐV ngày 19/06/2011 với mục đích đầu tư phương tiện vận chuyển và thành lập Trung tâm sửa chữa thời hạn vay 48 tháng, lãi suất 15%/năm.

5.10 Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình

	Nhà cửa, vật kiến trúc (VND)	Phương tiện vận tải, truyền dẫn (*) (VND)	Thiết bị, dụng cụ quản lý (VND)	Cộng (VND)
Nguyên giá				
01/01/2020	1.339.428.880	21.672.213.376	264.657.426	23.276.299.682
Tăng trong năm	-	-	-	-
Giảm trong năm	-	-	-	-
31/12/2020	1.339.428.880	21.672.213.376	264.657.426	23.276.299.682
<i>Trong đó:</i>				
Đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng	91.516.963	2.567.486.351	264.657.426	2.923.660.740
Giá trị hao mòn lũy kế				
01/01/2020	1.145.707.694	8.190.357.710	257.394.926	9.593.460.330
Khấu hao trong năm	8.567.016	1.937.945.323	7.262.500	1.953.774.839
Phân loại lại	(29.021.304)	29.021.304	-	-
31/12/2020	1.125.253.406	10.157.324.337	264.657.426	11.547.235.169
Giá trị còn lại				
01/01/2020	193.721.186	13.481.855.666	7.262.500	13.682.839.352
31/12/2020	214.175.474	11.514.889.039	-	11.729.064.513

(*) Giá trị còn lại của các phương tiện vận tải được thế chấp cho các khoản vay ngân hàng ngắn hạn và dài hạn tại ngày 31/12/2020 là 11.519.840.756 đồng, xem thuyết minh số 5.18.

5.11 Tăng giảm tài sản cố định vô hình

Là phần mềm máy tính.

	Nguyên giá (VND)	Hao mòn lũy kế (VND)	Giá trị còn lại (VND)
01/01/2020	200.000.000	120.000.024	79.999.976
Tăng trong năm	-	40.000.008	-
Giảm trong năm	-	-	-
31/12/2020	200.000.000	160.000.032	39.999.968

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH VĂN PHÒNG (Tiếp theo)
Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2020

5.12 Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

	31/12/2020 (VND)	01/01/2020 (VND)
- Tiền thuê đất tại số 25 Pasteur, phường Nguyễn Thái Bình, quận 1, Tp. Hồ Chí Minh	8.544.500.040	8.544.500.040
Cộng	8.544.500.040	8.544.500.040

5.13 Phải trả người bán ngắn hạn

	31/12/2020 (VND)		01/01/2020 (VND)	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
- Công ty TNHH MTV Thương mại và Dịch vụ Huy Hoàng Hà	162.478.800	162.478.800	196.942.300	196.942.300
- Công ty TNHH MTV Dịch vụ Bảo vệ Long Vân	281.227.493	281.227.493	165.727.493	165.727.493
- Công ty TNHH MTV Đầu tư Du lịch và Vận tải Biển Phương Nam	156.468.420	156.468.420	3.700.903	3.700.903
- Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển An Thiện Nhân	147.440.000	147.440.000	147.440.000	147.440.000
- Các nhà cung cấp khác	433.725.169	433.725.169	337.871.073	337.871.073
Cộng	1.181.339.882	1.181.339.882	851.681.769	851.681.769

5.14 Người mua trả tiền trước

	31/12/2020 (VND)	01/01/2020 (VND)
- Các khách hàng ứng trước tiền mua xe	815.000.000	815.000.000
- Thuế GTGT doanh thu xe liên kết	243.954.089	-
- Các khách hàng khác	130.306.443	62.066.599
Cộng	1.189.260.532	877.066.599

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH VĂN PHÒNG (Tiếp theo)
Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2020

5.15 Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

a. Thuế và các khoản phải thu Nhà nước

	01/01/2020	Số phát sinh trong năm		31/12/2020
	Phải nộp	Tăng	Giảm	Phải nộp
	VND	VND	VND	VND
Thuế GTGT được khấu trừ	195.055.945	511.157.210	(456.794.403)	249.418.752
Thuế thu nhập doanh nghiệp	160.728.392	-	-	160.728.392
Tổng	355.784.337	511.157.210	(456.794.403)	410.147.144

b. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	01/01/2020	Số phát sinh trong năm		31/12/2020
	Phải nộp	Tăng	Giảm	Phải nộp
	VND	VND	VND	VND
Thuế GTGT đầu ra phải nộp	-	456.794.403	(456.794.403)	-
Thuế thu nhập cá nhân	62.854.377	5.711.597	-	68.565.974
Thuế nhà đất	13.308.441.387	2.130.596.616	(215.100.000)	15.223.938.003
Các loại thuế khác	-	4.000.000	(4.000.000)	-
Thuế, phí khác	120.291.202	506.800.061	(594.792.964)	32.298.299
Tổng	13.491.586.966	3.103.902.677	(1.270.687.367)	15.324.802.276

Quyết toán thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các qui định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính văn phòng có thể bị thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế.

5.16 Chi phí phải trả

a. Chi phí phải trả ngắn hạn

	31/12/2020	01/01/2020
	(VND)	(VND)
- Chi phí dịch vụ mua ngoài	309.371.818	218.718.699
Cộng	309.371.818	218.718.699

b. Chi phí phải trả dài hạn

	31/12/2020	01/01/2020
	(VND)	(VND)
Chi phí trợ cấp thôi việc phải trả	10.011.022	141.960.322
Cộng	10.011.022	141.960.322

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH VĂN PHÒNG (Tiếp theo)
Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2020

5.17 Phải trả khác

a. Phải trả ngắn hạn khác

	31/12/2020 (VND)	01/01/2020 (VND)
Kinh phí công đoàn	765.347.750	725.263.010
Bảo hiểm xã hội	54.736.534	76.924.476
Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn	11.500.000	-
Phải trả khác	20.290.300.029	17.901.214.679
Phải trả khác là bên liên quan	4.216.680.000	2.155.600.000
- Ông Kakazu Shogo	596.080.000	200.000.000
- Trung tâm Dạy nghề Bán công Sài Gòn	3.620.600.000	1.955.600.000
Phải trả khác là bên độc lập	16.073.620.029	15.745.614.679
- Phải trả ông Hideo Tomiya theo Biên bản thanh lý hợp đồng ngày 03/07/2017	11.000.000.000	11.000.000.000
- Công ty Cổ phần Đầu tư Kinh doanh Địa Ốc Hưng Thịnh	2.000.000.000	2.000.000.000
- Phải trả cổ tức	1.219.365.715	1.219.365.715
- Thù lao Hội đồng quản trị	210.284.788	210.284.788
- Phải trả khác	1.643.969.526	1.315.964.176
Cộng	21.121.884.313	18.703.402.165

b. Phải trả dài hạn khác

	31/12/2020 (VND)	01/01/2020 (VND)
Nhận Ký quỹ, ký cược dài hạn	1.104.649.286	1.115.749.286
Nhận ký quỹ, ký cược - tài xế lái xe	1.104.649.286	1.115.749.286
Cộng	1.104.649.286	1.115.749.286

5.18 Vay và nợ thuê tài chính

a. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn

	01/01/2020 (VND)	Chuyển vay dài hạn đến hạn trả 12 tháng tới sang vay ngắn hạn (VND)	Trả tiền vay trong năm (VND)	31/12/2020 (VND)
- Ngân hàng TMCP Sài Gòn - Chi nhánh Công Quỳnh (*)	644.000.000	644.000.000	(483.000.000)	805.000.000
- Công ty TNHH MTV Tài chính Toyota Việt Nam (**)	1.857.534.576	1.857.534.576	(1.238.356.374)	2.476.712.778
Cộng	2.501.534.576	2.501.534.576	(1.721.356.374)	3.281.712.778

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH VĂN PHÒNG (Tiếp theo)
Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2020

b. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn

	01/01/2020 (VND)	Nhận tiền vay trong năm (VND)	Chuyển vay dài hạn đến hạn trả 12 tháng tới sang vay ngắn hạn (VND)	31/12/2020 (VND)
- Ngân hàng TMCP Sài Gòn - Chi nhánh Cổng Quỳnh (*)	966.000.000	-	(644.000.000)	322.000.000
- Công ty TNHH MTV Tài chính Toyota Việt Nam (**)	2.341.962.304	-	(1.857.534.576)	484.427.728
Cộng	3.307.962.304	-	(2.501.534.576)	806.427.728

(*) Khoản vay dài hạn Ngân hàng TMCP Sài Gòn - Chi nhánh Cổng Quỳnh theo Thỏa thuận cho vay trung dài hạn số 001-171295/TTCV-SCB-CNCQ.17 ngày 23/06/2017; mục đích vay để thanh toán một phần tiền thuê đất đối với Quyền sử dụng đất tại 25 Pasteur, phường Nguyễn Thái Bình, quận 1, thành phố Hồ Chí Minh; thời hạn vay 60 tháng; lãi suất theo từng khế ước cụ thể; khoản vay được đảm bảo bằng tài sản thế chấp là 10 xe ô tô Toyota Vios E với tổng giá trị 4.600.000.000 đồng theo Hợp đồng thế chấp phương tiện vận tải số 001-171295/HĐTC-SCB-CNCQ.17 ngày 23/06/2017.

(**) Khoản vay dài hạn Công ty TNHH MTV Tài chính Toyota Việt Nam để mua xe ô tô nhãn hiệu Toyota; thời hạn vay 60 tháng; lãi suất 9,30%/năm; khoản vay được đảm bảo bằng tài sản thế chấp là các xe ô tô nhãn hiệu Toyota. Vay dài hạn theo các hợp đồng sau:

- Hợp đồng số 5000019896 ngày 15/12/2016;
- Hợp đồng số 5000021272 ngày 12/04/2017.

5.19 Vốn chủ sở hữu

Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu (VND)	Lợi nhuận chưa phân phối (VND)	Tổng (VND)
01/01/2019	80.000.000.000	(80.630.707.088)	(630.707.088)
Lũ trong năm trước	-	(13.972.956.812)	(13.972.956.812)
31/12/2019	80.000.000.000	(94.603.663.900)	(14.603.663.900)
01/01/2020	80.000.000.000	(94.603.663.900)	(14.603.663.900)
Lũ trong năm nay	-	(4.996.322.006)	(4.996.322.006)
31/12/2020	80.000.000.000	(99.599.985.906)	(19.599.985.906)

Cổ phiếu

	31/12/2020 (VND)	01/01/2020 (VND)
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	8.000.000	8.000.000
Số lượng cổ phiếu đã phát hành	8.000.000	8.000.000
- Cổ phiếu phổ thông	8.000.000	8.000.000
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	8.000.000	8.000.000
- Cổ phiếu phổ thông	8.000.000	8.000.000

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND/cổ phiếu.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH VẮN PHÒNG (Tiếp theo)
Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2020

Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận

	Năm 2020 (VND)	Năm 2019 (VND)
Vốn đầu tư của chủ sở hữu		
Vốn góp đầu năm	80.000.000.000	80.000.000.000
Vốn góp tăng trong năm	-	-
Vốn góp giảm trong năm	-	-
Vốn góp cuối năm	80.000.000.000	80.000.000.000
Cổ tức, lợi nhuận đã chia	-	-

6 THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

6.1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

	Năm 2020 (VND)	Năm 2019 (VND)
Tổng doanh thu	8.498.896.565	13.430.706.838
- Doanh thu từ cung cấp dịch vụ taxi	4.746.083.261	9.874.951.005
- Doanh thu từ cung cấp dịch vụ cho thuê xe	3.752.813.304	3.555.755.833
Các khoản giảm trừ doanh thu	-	-
Hàng bán bị trả lại	-	-
Doanh thu thuần	8.498.896.565	13.430.706.838

6.2. Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp

	Năm 2020 (VND)	Năm 2019 (VND)
- Giá vốn của dịch vụ taxi	6.248.477.613	9.880.702.155
- Giá vốn của dịch vụ cho thuê xe	3.219.619.239	3.192.595.763
- Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	4.170.933	22.722.567
Cộng	9.472.267.785	13.096.020.485

6.3. Doanh thu hoạt động tài chính

	Năm 2020 (VND)	Năm 2019 (VND)
- Lãi tiền gửi ngân hàng	4.043.983	16.453.534
Cộng	4.043.983	16.453.534

6.4. Chi phí tài chính

	Năm 2020 (VND)	Năm 2019 (VND)
- Chi phí lãi vay	539.999.709	767.823.051
- Lỗ chuyển nhượng các khoản đầu tư	-	4.704.558.223
- Chi phí trích lập/ (hoàn nhập) dự phòng	-	(4.629.477.790)
- Chi phí khác	264.968	-
Cộng	540.264.677	842.903.484

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH VĂN PHÒNG (Tiếp theo)

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2020

6.5. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	Năm 2020	Năm 2019
	(VND)	(VND)
- Chi phí nhân viên quản lý	100.096.599	512.205.970
- Chi phí đồ dùng văn phòng	-	9.210.000
- Chi phí khấu hao TSCĐ	102.967.439	346.450.107
- Chi phí thuế, phí, lệ phí	58.997.525	4.000.000
- Chi phí dự phòng	2.173.351.379	11.463.297.755
- Chi phí dịch vụ mua ngoài	111.918.422	1.651.030.047
- Chi phí bằng tiền khác	502.015.779	71.751.214
Cộng	3.049.347.143	14.057.945.093

6.6. Thu nhập khác

	Năm 2020	Năm 2019
	(VND)	(VND)
- Thu từ thanh lý TSCĐ	-	2.727.273
- Thu nhập khác từ việc chuyển nhượng vốn Công ty TNHH MTV Thương Mại Du Lịch Sài Gòn (TDS) theo biên bản thỏa thuận chuyển giao quyền thu hồi nợ	-	850.000.000
- Thu nhập khác	77.979.924	20.829.093
Cộng	77.979.924	873.556.366

6.7. Chi phí khác

	Năm 2020	Năm 2019
	(VND)	(VND)
- Lỗ từ thanh lý vật tư	-	49.072.594
- Chi phí phạt thuế, phạt vi phạm hành chính	507.253.787	1.980.022
- Chi phí khác	8.109.086	245.751.872
Cộng	515.362.873	296.804.488

6.8. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

	Năm 2020	Năm 2019
	(VND)	(VND)
- Chi phí nguyên liệu, vật liệu	226.790.218	342.011.707
- Chi phí nhân công	2.994.096.366	5.338.226.149
- Chi phí khấu hao tài sản cố định	1.993.774.847	2.237.257.515
- Chi phí dịch vụ mua ngoài	4.565.695.826	7.660.212.408
- Chi phí khác	563.735.359	90.237.477
Cộng	10.344.092.616	15.667.945.256

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH VĂN PHÒNG (Tiếp theo)

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2020

6.9. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

	Năm 2020	Năm 2019
	(VND)	(VND)
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	-	-
Cộng	-	-

(i) Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành được dự tính như sau:

	Năm 2020	Năm 2019
	(VND)	(VND)
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	(4.996.322.006)	(13.972.956.812)
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận chịu thuế TNDN:		
Điều chỉnh tăng	606.015.991	246.602.229
+ Chi phí không hợp lệ	824.734.691	466.450.594
+ Chi phí trích trước năm nay	515.362.873	247.731.894
Điều chỉnh giảm	309.371.818	218.718.700
+ Chi phí trích trước năm trước	(218.718.700)	(219.848.365)
Thu nhập tính thuế	(218.718.700)	(219.848.365)
Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp	(4.390.306.015)	(13.726.354.583)
	20%	20%
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp	-	-

7 THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

7.1. Các giao dịch không bằng tiền

Trong năm, các giao dịch không bằng tiền như sau:

	Năm 2020	Năm 2019
	(VND)	(VND)
- Thanh lý tài sản chưa thu	-	2.727.273
- Lãi tiền gửi ngân hàng chưa thu	-	6.458.333
- Lãi vay chưa thanh toán	40.175.000	-

8 THÔNG TIN KHÁC

8.1. Các khoản nợ tiềm tàng, khoản cam kết và các thông tin tài chính khác: không có

8.2. Các sự kiện quan trọng phát sinh trong niên độ

Ngày 14 tháng 05 năm 2020, Tòa án Nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh đã thụ lý đơn yêu cầu mở thủ tục phá sản số 04/2020/TL-MTTPS của Ông Nguyễn Văn Hồng là cổ đông của Công ty. Ngày 22 tháng 06 năm 2020, Tòa án Nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh ban hành Quyết định số 759/2020/QĐ-KMTTPS về việc không mở thủ tục phá sản đối với Công ty.

Ngoài sự việc nêu trên, không có sự kiện quan trọng nào xảy ra trong năm tài chính cần trình bày trên Báo cáo tài chính văn phòng.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH VĂN PHÒNG (Tiếp theo)

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2020

8.3. Sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính

Không có sự kiện quan trọng nào xảy ra sau ngày lập Bảng cân đối kế toán (ngày 31 tháng 12 năm 2020) cho đến thời điểm lập Báo cáo này, cần thiết phải có các điều chỉnh số liệu hoặc công bố trong Báo cáo tài chính của Văn phòng Công ty.

8.4. Thông tin về các bên có liên quan

Giao dịch với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan

Các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan gồm: các thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng và các thành viên mật thiết trong gia đình các cá nhân này.

Trong năm, các nghiệp vụ phát sinh trong năm giữa Công ty với các thành viên chủ chốt như và các cá nhân có liên quan sau:

	Năm 2020 (VND)	Năm 2019 (VND)
Tạm ứng	-	354.000.000
Hoàn ứng	-	578.000.000
Mượn tiền	616.896.000	260.000.000
Hoàn trả tiền mượn	220.816.000	255.000.000

Tại ngày kết thúc năm tài chính, công nợ với các thành viên chủ chốt và các cá nhân có liên quan sau:

	31/12/2020 (VND)	01/01/2020 (VND)
Ông Kakazu Shogo		
Phải trả tiền mượn	596.080.000	200.000.000
Cộng nợ phải trả	596.080.000	200.000.000

Các bên liên quan

Các bên được xem là các bên có liên quan khi một bên có khả năng kiểm soát bên kia hoặc tạo ra ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong các quyết định về tài chính và kinh doanh. Trong năm tài chính và tại ngày kết thúc năm tài chính, bên sau đây được nhận biết là bên liên quan của Công ty:

Bên liên quan	Mối quan hệ
- Trung tâm Dạy nghề Bán công Sài Gòn Tourist	Đơn vị trực thuộc

Nghiệp vụ với các bên liên quan

Trong năm tài chính các nghiệp vụ của Công ty với các bên có liên quan như sau:

	Năm 2020 (VND)	Năm 2019 (VND)
Mượn tiền	1.815.000.000	1.040.000.000
Trả lại tiền cho mượn	150.000.000	60.000.000
Đầu tư góp vốn bằng xe	-	138.636.179
Cung cấp dịch vụ	82.740.000	-

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH VĂN PHÒNG (Tiếp theo)

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2020

Số dư với các bên liên quan

Vào ngày kết thúc năm tài chính, các khoản phải thu, phải trả của Công ty với các bên có liên quan được thể hiện như sau:

	31/12/2020 (VND)	01/01/2020 (VND)
Phải thu dài hạn khác		
Trung tâm Dạy nghề Bán công Sài Gòn Tourist	138.636.179	138.636.179
Cộng nợ phải thu	138.636.179	138.636.179
	31/12/2020 (VND)	01/01/2020 (VND)
Phải trả ngắn hạn khác		
Trung tâm Dạy nghề Bán công Sài Gòn Tourist	3.620.600.000	1.955.600.000
Cộng nợ phải trả	3.620.600.000	1.955.600.000

8.5. Công cụ tài chính

Công ty chịu các rủi ro sau khi sử dụng các công cụ tài chính: rủi ro thị trường, rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản.

Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm chung đối với việc thiết lập và giám sát nguyên tắc quản lý rủi ro tài chính. Tổng Giám đốc thiết lập các chính sách nhằm phát hiện và phân tích các rủi ro mà Công ty phải chịu, thiết lập các biện pháp kiểm soát rủi ro và các hạn mức rủi ro thích hợp, và giám sát các rủi ro và việc thực hiện các hạn mức rủi ro. Hệ thống và chính sách quản lý rủi ro được xem xét lại định kỳ nhằm phản ánh những thay đổi của các điều kiện thị trường và hoạt động của Công ty.

Tổng Giám đốc xem xét và thống nhất áp dụng các chính sách quản lý cho những rủi ro nói trên như sau:

(i) Rủi ro thị trường

Rủi ro thị trường là rủi ro mà giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của các công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường. Rủi ro thị trường có bốn loại rủi ro: rủi ro lãi suất, rủi ro tiền tệ, rủi ro về giá hàng hóa.

Rủi ro lãi suất

Rủi ro lãi suất là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường. Rủi ro thị trường do thay đổi lãi suất của Công ty chủ yếu liên quan đến tiền, các khoản tiền gửi ngắn hạn và các khoản vay của Công ty.

Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được lãi suất có lợi cho mục đích của Công ty và vẫn nằm trong giới hạn quản lý rủi ro của mình.

(ii) Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong một công cụ tài chính hoặc hợp đồng giao dịch không thực hiện được nghĩa vụ của mình, dẫn đến tổn thất về tài chính. Công ty có thể có rủi ro tín dụng từ các hoạt động kinh doanh của mình, và từ hoạt động tài chính của mình, bao gồm tiền gửi ngân hàng và các công cụ tài chính khác.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH VĂN PHÒNG (Tiếp theo)
Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2020

Phải thu khách hàng

Công ty thường xuyên theo dõi các khoản phải thu khách hàng chưa thu được. Đối với các khách hàng lớn, Công ty xem xét sự suy giảm trong chất lượng tín dụng của từng khách hàng tại ngày lập báo cáo. Công ty tìm cách duy trì sự kiểm soát chặt chẽ các khoản phải thu tồn đọng và bố trí nhân sự kiểm soát tín dụng để giảm thiểu rủi ro tín dụng.

Công ty sẽ lập dự phòng giảm giá trị để phản ánh mức độ thiệt hại ước tính đối với phải thu khách hàng, phải thu khác và các khoản đầu tư. Thành phần chính của khoản dự phòng giảm giá trị này là khoản lỗ cụ thể có liên quan đến mức độ thiệt hại cụ thể đối với từng khách hàng.

Tiền gửi ngân hàng

Công ty chủ yếu duy trì số dư tiền gửi tại các ngân hàng được nhiều người biết đến tại Việt Nam. Rủi ro tín dụng của số dư tiền gửi tại các ngân hàng được quản lý bởi bộ phận ngân quỹ của Công ty theo chính sách của Công ty. Rủi ro tín dụng tối đa của Công ty đối với các khoản mục trên bản cân đối kế toán tại ngày kết thúc năm tài chính là giá trị ghi sổ như trình bày trong Thuyết minh số 5.1. Công ty nhận thấy mức độ tập trung rủi ro tín dụng đối với khoản tiền gửi ngân hàng là thấp.

(iii) **Rủi ro thanh khoản**

Rủi ro thanh khoản là rủi ro mà Công ty sẽ gặp khó khăn khi thực hiện các nghĩa vụ tài chính do thiếu vốn. Rủi ro thanh khoản của Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có thời điểm đáo hạn khác biệt nhau.

Công ty giảm thiểu rủi ro thanh khoản bằng cách duy trì một lượng tiền mặt và các khoản tương đương tiền và các khoản vay ngân hàng ở mức mà Tổng Giám đốc cho rằng đủ để đáp ứng cho các hoạt động của Công ty và giảm thiểu rủi ro do những biến động của luồng tiền.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH VĂN PHÒNG (Tiếp theo)

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bảng dưới đây phân tích đối với tài sản tài chính và các khoản nợ tài chính phi phái sinh vào các nhóm đáo hạn có liên quan dựa trên kỳ hạn còn lại từ ngày lập bảng cân đối kế toán đến ngày đáo hạn theo hợp đồng. Các số tiền được trình bày trong bảng sau là các luồng tiền theo hợp đồng không chiết khấu. Việc trình bày thông tin tài sản tài chính phi phái sinh là cần thiết để hiểu được việc quản lý rủi ro thanh khoản của Công ty khi tính thanh khoản được quản lý trên cơ sở công nợ và tài sản thuần.

	Dưới 1 năm (VND)	Từ 1 năm trở lên (VND)	Tổng cộng (VND)
31/12/2020			
<i>Giá trị ghi sổ</i>			
Tiền và các khoản tương đương tiền	56.581.494	-	56.581.494
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	-	-	-
Phải thu khách hàng	13.193.921.264	-	13.193.921.264
Phải thu về cho vay	-	5.796.000.000	5.796.000.000
Các khoản phải thu khác	35.650.090.271	432.357.979	36.082.448.250
<i>Trừ:</i>			
Dự phòng phải thu khó đòi	(45.656.176.959)	(5.796.000.000)	(51.452.176.959)
Tổng cộng	3.244.416.070	432.357.979	3.676.774.049
31/12/2020			
Phải trả cho người bán	1.181.339.882	-	1.181.339.882
Chi phí phải trả	309.371.818	10.011.022	319.382.840
Phải trả khác	21.121.884.313	1.104.649.286	22.226.533.599
Vay và nợ thuê tài chính	3.281.712.778	806.427.728	4.088.140.506
Tổng cộng	25.894.308.791	1.921.088.036	27.815.396.827
Chênh lệch thanh khoản thuần	(22.649.892.721)	(1.488.730.057)	(24.138.622.778)
01/01/2020			
<i>Giá trị ghi sổ:</i>			
Tiền và các khoản tương đương tiền	757.625.402	-	757.625.402
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	150.000.000	-	150.000.000
Phải thu khách hàng	12.889.334.822	-	12.889.334.822
Phải thu về cho vay	-	5.796.000.000	5.796.000.000
Các khoản phải thu khác	33.231.942.616	470.757.979	33.702.700.595
<i>Trừ:</i>			
Dự phòng phải thu khó đòi	(43.497.825.580)	(5.796.000.000)	(49.293.825.580)
Tổng cộng	3.531.077.260	470.757.979	4.001.835.239
01/01/2020			
Phải trả cho người bán	851.681.769	-	851.681.769
Chi phí phải trả	218.718.699	141.960.322	360.679.021
Phải trả khác	18.703.402.165	1.115.749.286	19.819.151.451
Vay và nợ thuê tài chính	2.501.534.576	3.307.962.304	5.809.496.880
Tổng cộng	22.275.337.209	4.565.671.912	26.841.009.121
Chênh lệch thanh khoản thuần	(18.744.259.949)	(4.094.913.933)	(22.839.173.882)

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH VĂN PHÒNG (Tiếp theo)
Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2020

Văn phòng Công ty cho rằng mức độ tập trung rủi ro đối với việc trả nợ là cao.

(iv) Giá trị hợp lý

Giá trị ghi sổ trừ dự phòng của các khoản phải thu ngắn hạn, tiền gửi ngân hàng và các khoản phải trả người bán và phải trả khác là gần bằng với giá trị hợp lý của chúng

	Giá trị kế toán		Giá trị hợp lý	
	31/12/2020 (VND)	01/01/2020 (VND)	31/12/2020 (VND)	01/01/2020 (VND)
Tài sản tài chính				
Tiền và các khoản tương đương tiền	56.581.494	757.625.402	56.581.494	757.625.402
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	-	150.000.000	-	150.000.000
Phải thu khách hàng	13.193.921.264	12.889.334.822	577.510.274	295.872.765
Phải thu về cho vay	5.796.000.000	5.796.000.000	-	-
Các khoản phải thu khác	36.082.448.250	33.702.700.595	3.042.682.281	2.798.337.072
Tổng cộng	55.128.951.008	53.295.660.819	3.676.774.049	4.001.835.239
Nợ phải trả tài chính				
Phải trả cho người bán	1.181.339.882	851.681.769	1.181.339.882	851.681.769
Chi phí phải trả	319.382.840	360.679.021	319.382.840	360.679.021
Phải trả khác	22.226.533.599	19.819.151.451	22.226.533.599	19.819.151.451
Vay và nợ thuê tài chính	4.088.140.506	5.809.496.880	4.088.140.506	5.809.496.880
Tổng cộng	27.815.396.827	26.841.009.121	27.815.396.827	26.841.009.121

Giá trị hợp lý của tài sản và nợ phải trả tài chính không được đánh giá và xác định một cách chính thức vào ngày 31/12/2020 và ngày 01/01/2020. Tuy nhiên, Tổng Giám đốc đánh giá giá trị hợp lý của những tài sản và phải trả tài chính này không có chênh lệch trọng yếu với giá trị ghi sổ của chúng tại ngày kết thúc năm tài chính.

8.6. Thông tin so sánh

Số liệu dùng để so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính văn phòng cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2019 của Công ty đã được kiểm toán.

8.7. Tính hoạt động liên tục của Văn phòng Công ty

Báo cáo tài chính văn phòng đã được lập dựa trên cơ sở hoạt động liên tục, với giả định rằng Văn phòng Công ty sẽ có thể sử dụng các tài sản và thanh toán các khoản nợ phải trả của Văn phòng Công ty trong quá trình hoạt động kinh doanh bình thường trong tương lai gần.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH VĂN PHÒNG (Tiếp theo)
Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2020

Văn phòng Công ty đã phát sinh khoản lỗ thuần là 4.996.322.006 đồng trong năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020 và cũng vào ngày này, Văn phòng Công ty có khoản lỗ lũy kế là 99.599.985.906 đồng và các khoản nợ ngắn hạn của Công ty đã vượt quá tổng tài sản của Công ty là 17.678.897.870 đồng. Các điều kiện này có thể tạo nên yếu tố không chắc chắn trọng yếu mà có thể ảnh hưởng lớn đến xét đoán về khả năng hoạt động liên tục của Văn phòng Công ty.

Tổng Giám đốc Công ty vẫn tiến hành lập Báo cáo tài chính văn phòng trên cơ sở đáp ứng giả định hoạt động liên tục. Mặc dù, tại ngày lập Báo cáo tài chính Văn phòng này, Văn phòng Công ty đã không thể tái đàm phán hoặc đạt được các thỏa thuận hỗ trợ tài chính thay thế. Thực tế này cho thấy việc tồn tại yếu tố không chắc chắn trọng yếu có thể dẫn đến nghi ngờ đáng kể về khả năng hoạt động liên tục của Văn phòng Công ty, và do đó, Văn phòng Công ty có thể không thực hiện được giá trị tài sản và thanh toán các khoản nợ phải trả trong điều kiện hoạt động bình thường.

8.8. Thông tin về bộ phận

Văn phòng Công ty báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo các lĩnh vực hoạt động, bao gồm: cung cấp dịch vụ taxi, cho thuê xe và các dịch vụ khác. Chi tiết báo cáo bộ phận theo từng ngành nghề như sau:

	Dịch vụ taxi (VND)	Dịch vụ cho thuê xe (VND)	Cộng (VND)
Doanh thu thuần theo bộ phận	4.746.083.261	3.752.813.304	8.498.896.565
Giá vốn hàng bán theo bộ phận	(6.252.648.546)	(3.219.619.239)	(9.472.267.785)
Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ theo bộ phận	(1.506.565.285)	533.194.065	(973.371.220)
Các chi phí không phân bổ theo bộ phận			(3.049.347.143)
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh			(4.022.718.363)
Doanh thu tài chính			4.043.983
Chi phí tài chính			(540.264.677)
Thu nhập khác			77.979.924
Chi phí khác			(515.362.873)
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành			-
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp			(4.996.322.006)

Ngày 30 tháng 03 năm 2021

NGƯỜI LẬP BIỂU

KẾ TOÁN TRƯỞNG

TỔNG GIÁM ĐỐC



Nguyễn Thị Phương Thảo

Nguyễn Thị Phương Thảo

Kakazu Shogo